

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 49/2017/DS-ST

Ngày 11-7-2017

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Cẩm

2. Ông Nông Hữu Dân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Tổ Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2017/TLST-DS ngày 09/3/2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2017/QĐXX-ST ngày 06 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Chu Thị Hồng L

Địa chỉ: Đường Q, Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Phạm Văn N (Văn bản ủy quyền ngày 02/3/2017)- có mặt

Địa chỉ: Đường N, Xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

- ***Bị đơn:***

1/ Ông Nguyễn Khắc B - vắng mặt

Địa chỉ: Đường T, Phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc H - vắng mặt

Địa chỉ: Đường C, Phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 02 năm 2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Từ năm 2011 đến năm 2016 bà L có cho vợ chồng ông B – bà H vay 03 lần tiền cụ thể như sau: ngày 29/4/2011 cho vay 200.000.000 đồng, ngày 28/10/2013 cho vay 70.000.000 đồng, ngày 07/4/2016 cho vay 300.000.000 đồng. Mục đích vay để kinh doanh và mua xe ô tô. Cả 03 lần vay đều không thế chấp tài sản gì mà ông B chỉ viết giấy mượn tiền, không thỏa thuận về thời hạn vay và lãi suất vay mà hẹn khi nào bên cho vay đòi thì bên vay phải trả; tuy nhiên khi bà L cần tiền yêu cầu ông B – bà H trả thì họ không trả cho bà L được số nợ nào. Bản gốc giấy vay tiền ngày 29/4/2011 số tiền 200.000.000 đồng bị thất lạc nên bà L chỉ khởi kiện yêu cầu tòa giải quyết buộc ông B, bà H trả cho bà L số tiền 370.000.000 đồng và lãi suất chậm thanh toán theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Khắc B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

*** Tại bản tự khai ngày 24/3/2017 bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:** Bà H và ông B trước đây là vợ chồng, từ năm 2008 vợ chồng đã ly thân đến 2017 đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột. Đối với các khoản vay mà bà L khởi kiện yêu cầu bà H và ông B phải trả 370.000.000 đồng; bà H xác định: Các khoản vay trên đều do cá nhân ông B vay, bà H không biết cũng không liên quan gì; do đó bà H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L và xin từ chối tham gia tố tụng.

Theo yêu cầu của bà L, Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết trong giấy xác nhận nợ mà bà L xuất trình. Tại bản kết luận giám định số: 08/PC 54 ngày 24/4/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Khắc B trong giấy mượn tiền mà bà L xuất trình là của ông Nguyễn Khắc B.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến nay thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký cũng như nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, còn bị đơn chấp hành chưa tốt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị Hồng L. Buộc cá nhân ông Nguyễn Khắc B có trách nhiệm trả cho bà Chu Thị Hồng L 370.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Khắc B đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, bà Nguyễn Thị Ngọc H có đơn từ chối tham gia tố tụng nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt là lần thứ hai, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, ông B không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà L. Theo yêu cầu của bà L Tòa án ra Quyết định trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Khắc B trong giấy mượn tiền đề ngày 28/10/2013 và ngày 07/4/2016 mà bà L giao nộp cho Tòa án so với chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Khắc B trong Biên bản lấy lời khai ngày 23/01/2017 và Biên bản giao Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06/02/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Tại bản kết luận giám định số: 08/PC 54 ngày 24/4/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ viết, chữ ký đúng tên Nguyễn Khắc B trong hai giấy mượn tiền mà bà L giao nộp cho Tòa án so với mẫu so sánh là do cùng một người viết và ký ra; Như vậy có đủ căn cứ kết luận: Ông Nguyễn Khắc B có vay của bà Chu Thị Hồng L 02 lần tiền cụ thể như sau: ngày 28/10/2013 vay 70.000.000 đồng, ngày 07/4/2016 vay 300.000.000 đồng; tổng cộng: 370.000.000 đồng, cả hai lần vay không thế chấp tài sản gì mà ông B có viết giấy mượn tiền, không thể hiện về thời hạn vay và lãi suất vay mà bà L giao nộp cho Tòa là đúng; thời gian qua bà L có đòi, ông B không trả là ông B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó bà L khởi kiện yêu cầu ông B phải trả cho bà L 370.000.000 đồng tiền nợ gốc là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Về lãi suất, không xác định được thời gian nào bà L đòi tiền ông B; do đó lãi suất ông B phải trả cho bà L tính theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố từ ngày bà L nộp đơn khởi kiện (ngày 20/02/2017) cho đến nay, cụ thể: $370.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 4 \text{ tháng} 21 \text{ ngày}$ (từ ngày 20/02/2017 đến ngày 11/7/2017) = 13.042.500 đồng. Như vậy tổng cộng cả gốc và lãi ông B phải trả cho bà L là: 383.042.500 đồng.

[4] Xét việc bà L yêu cầu bà H phải có trách nhiệm cùng ông B trả cho bà L số nợ trên; Hội đồng xét xử xét thấy: Trong hai giấy mượn tiền mà bà L giao nộp cho Tòa án, bà H không xác nhận, không thể hiện mục đích vay, bà L không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh bà H ủy quyền cho ông B xác lập việc vay tiền đối với bà L, hoặc ông B – bà H vay tiền bà L để kinh doanh chung cũng như vay tiền bà L nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình khi ông B – bà H còn tồn tại quan hệ hôn nhân. Về phía bà H xác định hai khoản vay trên đều do cá nhân ông B vay, bà H không biết cũng không liên quan gì nên không chấp nhận yêu cầu của bà L, bà H – ông B sống ly thân từ năm 2009

đến ngày 14/02/2017 ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 64/2017/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/01/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đối với ông B trong vụ kiện Thuận tình ly hôn giữa bà H và ông B, ông B xác định ông B – bà H sống ly thân từ 2009 và xác định ông B và bà H không có nợ chung. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận yêu cầu của bà L về việc buộc bà H phải có trách nhiệm cùng ông B trả cho bà L số nợ trên là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015.

Ý kiến của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ.

[5] Về án phí và chi phí giám định: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Khắc B phải chịu: $383.042.500 \text{ đồng} \times 5\% = 19.152.000 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Khắc B phải chịu: 4.320.000 đồng tiền chi phí giám định, bà L được nhận lại số tiền này khi thu được từ ông B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ: Điều 471, Điều 474, khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị Hồng L .

- Buộc ông Nguyễn Khắc B trả cho bà Chu Thị Hồng L 370.000.000 đồng tiền nợ gốc và 13.042.500 đồng tiền lãi; Tổng cộng cả gốc và lãi là: 383.042.500 đồng (ba trăm tám mươi ba triệu không trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Chu Thị Hồng L về việc buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H phải có trách nhiệm cùng ông Nguyễn Khắc B trả cho bà L số nợ trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 05/2017/QĐ-BPKCTT ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về án phí và chi phí giám định: Ông Nguyễn Khắc B phải chịu 19.152.000 đồng (mười chín triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm và 4.320.000 đồng (bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) tiền chi phí giám định; bà Chu Thị Hồng L được nhận lại số tiền 4.320.000 đồng tạm ứng chi phí giám định khi thu được từ ông Nguyễn Khắc B.

Hoàn trả cho bà Chu Thị Hồng L 6.475.000 đồng (sáu triệu bốn trăm bảy mươi năm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Phạm D đã nộp thay bà Chu Thị Hồng L tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tiền số: AA/2014/0041651 ngày 01/3/2017.

Các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.B, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Dư